

Bản án số: **199** /2019/DS-ST
Ngày: 22/10/2019
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TUỜNG**
2. Ông **NGUYỄN VĂN DỰC**
- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 482/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1933
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: 1/ Ông **Võ Quang H**, sinh năm: 1958
2/ Bà **Đặng Thị C1**, sinh năm 1962
3/ Anh **Võ Văn D**, sinh năm 1985
Đại diện theo ủy quyền của bà C1 và anh Được: Ông **Võ Quang H**, sinh năm: 1958
Cùng địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1/ Cụ **Võ Thị H1**, sinh năm 1935

2/ Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1967

3/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964

4/ Anh Trần Thiện T2, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Cụ Đ, ông H, ông H2 mặt, Cụ H1, bà T1 xin vắng mặt, anh T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Đ tại đơn khởi kiện trình bày: Vợ chồng cụ có tạo lập được thửa đất 808, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.866m², mục đích sử dụng trồng cây lâu năm, tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00557 ngày 14/9/2006 do cụ đại diện hộ đứng tên. Năm 2000 do hoàn cảnh gia đình của ông H gặp khó khăn nên cụ cho gia đình ông H mượn thửa đất 808 canh tác. Nay cụ có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu ông H, bà C1, anh D trả nhưng không được.

Cụ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Quang H, bà Đặng Thị C1, anh Võ Văn D trả lại cụ thửa đất 808, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.866m², mục đích sử dụng trồng cây lâu năm, tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa cụ Đ trình bày: thửa đất 808, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.866m², mục đích sử dụng trồng cây lâu năm, tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cha mẹ vợ cụ cho vợ chồng cụ khi cưới nhau, năm 2000 cụ cho gia đình ông H làm. Nay cụ yêu cầu ông H, bà C1, anh D trả lại cho cá nhân cụ thửa đất 808, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.866m², mục đích sử dụng trồng cây lâu năm, tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn ông Võ Quang H tại tường trình, biên bản hòa giải trình bày: Năm 1965 ông bà ngoại ông có cho mẹ ông là cụ Võ Thị H1 thửa đất 808, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.866m², tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 1983 thì 02 cụ cho lại ông, ông đã lên vườn và canh tác đến nay nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đối với yêu cầu của cụ Đ ông không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Võ Thị H1 tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải trình bày: Cụ là vợ của cụ Đ, mẹ ruột của ông H. Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của cha mẹ cụ cho khi cụ và cụ H kết hôn với nhau, sau đó cụ Đ tự đi kê khai đứng tên. Khoảng năm 1983 thì cho lại ông H nên việc cụ Đ kiện đòi lại đất cụ không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H2 tại tờ tự khai, tại phiên tòa trình bày: Về nguồn gốc đất đang tranh chấp do ông bà ngoại cho cha mẹ ông là cụ Đ và cụ H1. Cụ đại diện hộ đến đứng tên quyền sử dụng đất. Năm 2000 có cho ông H canh tác (không có làm giấy tờ). Ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Đ tùy Tòa quyết định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 tại đơn trình tòa án trình bày: Bà xin không có ý kiến theo lệnh triệu tập của Tòa.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tại công văn 1538 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai C trả lời ông Đ liên hệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng giấy đất lại cấp cho hộ gia đình. Tại phiên tòa ông Đ khai còn 01 người con là Võ Thị Bé D1 nhưng Tòa án không đưa tham gia tố tụng nên đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để làm rõ các vấn đề trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, cụ Nguyễn Thị H1 có đơn xin vắng mặt, anh Trần Thiện T2 vắng mặt dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều thừa nhận thừa đất 808, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.866m², tại ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang mà cụ Đ yêu cầu ông H cùng vợ và con trả có nguồn gốc do cha mẹ của Cụ H1 cho vợ chồng làm ăn khi kết hôn với nhau. Sau khi giải tán hợp tác xã thì đã giao cho ông H làm, đến năm 2002 ông H chuyển từ đất ruộng thành đất vườn. Cụ Đ đi kê khai lần đầu vào năm 2001, đến năm 2003 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Đ đại diện hộ đứng tên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi đó đất gồm 03 thửa là 808, 852, 853. Đến năm 2006 cụ Đ mới xin chuyển mục đích sử dụng đất và xin nhập 02 thửa 852, 853 vào thửa 808 và được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 14/9/2006. Cụ đến trình bày việc cụ kiện đòi đất với ông H không có hợp bản gia đình mà chỉ nói 01 số thành viên biết. Cụ xác định cụ yêu cầu ông H trả lại thửa đất 808, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.866m², tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho cá nhân cụ. Đối với ông H không đồng ý trả vì cho rằng cha mẹ đã cho ông từ khoảng năm 1986 đến nay do ông không phải ở địa phương nên khi có yêu cầu làm giấy đất ông để cho Cụ Đ đi kê khai, cụ H1 cũng xác định là cho đất ông nên ông không đồng ý trả. Đối với ông H2 thì không có ý kiến gì tùy tòa giải quyết.

[3] Xét thấy, việc các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa điều thừa nhận nguồn gốc đất là của cha mẹ cụ H1 cho khi cụ H1 và cụ Đ kết hôn nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Cũng theo xác nhận của Ủy ban nhân xã T xác định hộ cụ Đ đứng tên trong sổ mục kê phần đang tranh chấp chứ không phải đứng cá nhân cụ Đ. Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

lần đầu năm 2003 cho hộ cụ Đ thì quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C cũng không ghi rõ hộ gia đình hay cá nhân nào được cấp giấy, trong lần cấp đổi năm 2006 cũng không có gì thể hiện đất cấp đổi lại cho cá nhân ông Đ. Theo quy định của pháp luật dân sự, luật đất đai tài sản chung của hộ gia đình phải được tất cả thành viên bàn bạc quyết định trong việc định đoạt. Tuy nhiên cụ Đ đã không bàn bạc với các thành viên trong hộ và hiện tại các thành viên trong hộ cũng có ý kiến không thống nhất mà cụ lại đòi lại thửa đất 808 cho cá nhân cụ là không phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của cụ Đ yêu cầu ông H cùng vợ con trả lại cho cá nhân cụ thửa đất 808, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.866m², tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[4] Về án phí: Cụ Đ phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

[5] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Đối với công văn 1538 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai C đây chỉ là văn bản liệt kê tài liệu cung cấp cho Tòa án không phải văn bản trả lời về việc đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ hay cá nhân cụ Đ. Còn việc cụ Đ có người con tên Võ Thị Bé D1 không tham gia tố tụng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện của cụ Đ được cấp lại năm 2006 qua xác nhận của Công an xã T không có bà D1 trong hộ ông Đ. Hơn nữa như đã nhận định về nguồn gốc đất và việc cấp giấy đất cũng như yêu cầu khởi kiện của đương sự thì việc có bà D1 tham gia hay không không ảnh hưởng vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 5, 194. 212, 213, 218 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

- Không Chấp nhận khởi kiện của cụ Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông Võ Quang H, bà Đặng Thị C1, anh Võ Văn D trả cho cá nhân cụ thửa đất 808, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.866m², tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Về án phí: Cụ Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 nghìn đồng án phí DSST. Cụ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 09645 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

- Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa

hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

